

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VIC, BVS

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Triển vọng TTCK 4Q2022 - Kỳ vọng đáy trung hạn

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn tại các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

26/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,174.35	-2.40
VN30	1,187.22	-2.32
HĐTL VN30F1M	1,192.00	-1.49
HNXIndex	255.68	-3.31
HNX30	438.67	-4.80
UPCoM	86.68	-2.16
USD/VND	23,731	+0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.41	+2
Lãi suất qua đêm (%)	4.86	+29
Dầu (WTI, \$)	78.42	-0.41
Vàng (LME, \$)	1,646.35	+0.15



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,174.35 (-2.40%)  
**KLGD (triệu CP)** 757.1 (+81.8%)  
**GTGD (triệu U\$)** 739.7 (+55.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm bởi lực bán mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng mạnh. Khối ngoại bán ròng ở NLG (-6.9%), KDH (-5.4%), SSI (-5.6%).

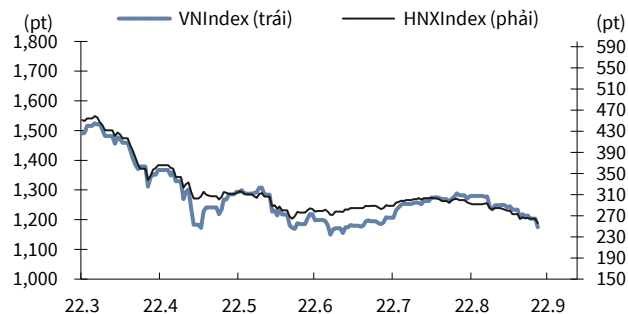
**HNXIndex** 255.68 (-3.31%)  
**KLGD (triệu CP)** 87.7 (+45.4%)  
**GTGD (triệu U\$)** 71.2 (+54.9%)

Savills cho biết chi phí đền bù cộng với giá đất ở Việt Nam đã tăng lên rất nhiều trong thời gian gần đây, vì vậy đây là một thách thức đối với các chủ đầu tư muốn thành lập các KCN mới hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang công nghiệp, cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp giảm ở KBC (-5.9%), LHG (-4.5%).

**UPCoM** 86.68 (-2.16%)  
**KLGD (triệu CP)** 40.7 (-23.3%)  
**GTGD (triệu U\$)** 26.7 (+10.5%)  
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -25.4

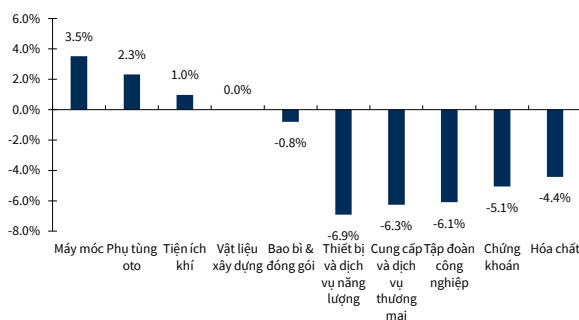
Hiệp hội Lương thực Việt Nam đánh giá việc Ấn Độ thắt chặt xuất khẩu gạo, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đã liên tục tăng, xuất khẩu gạo năm nay có thể đạt và vượt so với kế hoạch 6.3 - 6.5 triệu tấn, cổ phiếu ngành lúa gạo tăng ở LTG (+1.6%), TAR (+2.2%).

## VNIndex & HNXIndex



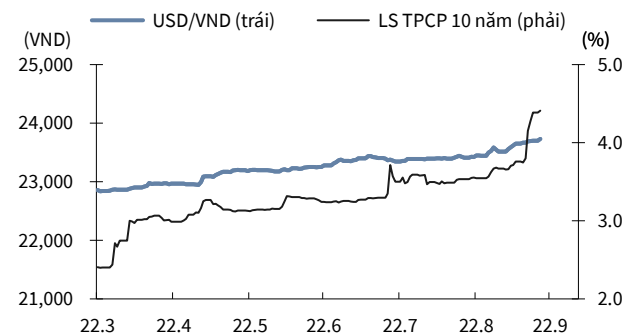
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



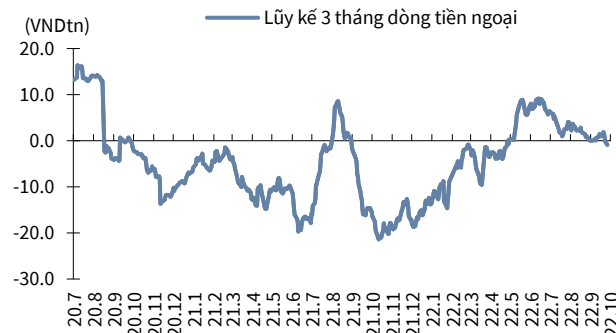
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

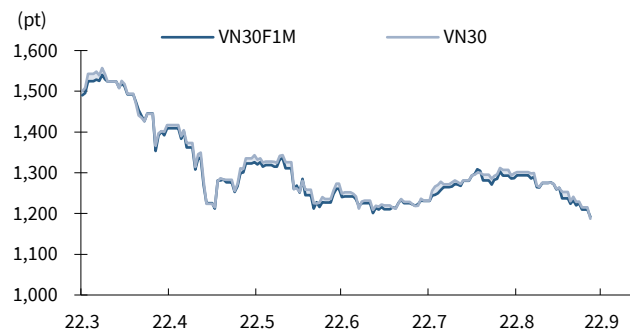
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,187.22 (-2.32%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,192.0 (-1.49%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,199.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,199.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,173.6</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2210 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày -19.4 điểm sau đó thu hẹp dần biên độ, trước khi đóng cửa ở mức cao nhất phiên tại +4.8 điểm. Thanh khoản thị trường tăng trong phiên giao dịch hôm nay.

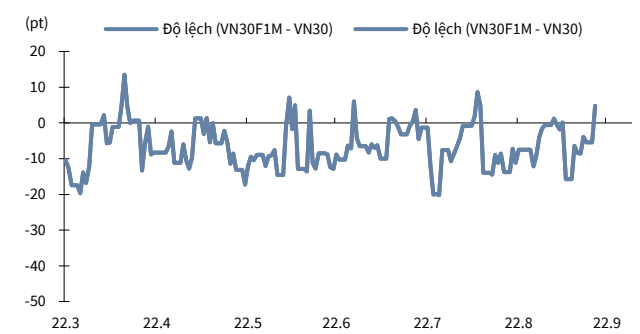
**KLGD (HĐ)**      **313,605 (+11.0%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



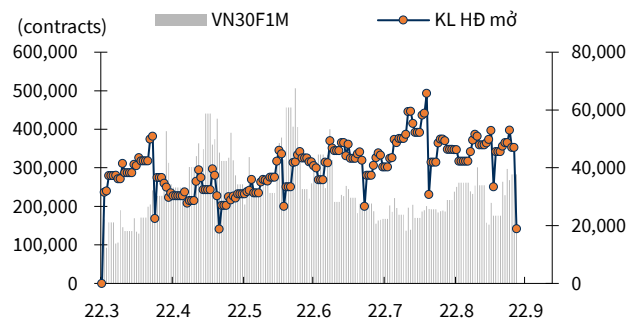
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



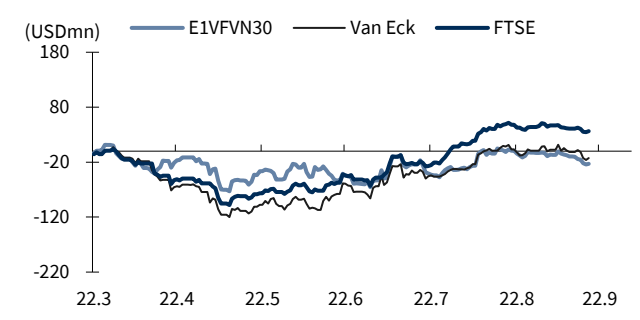
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

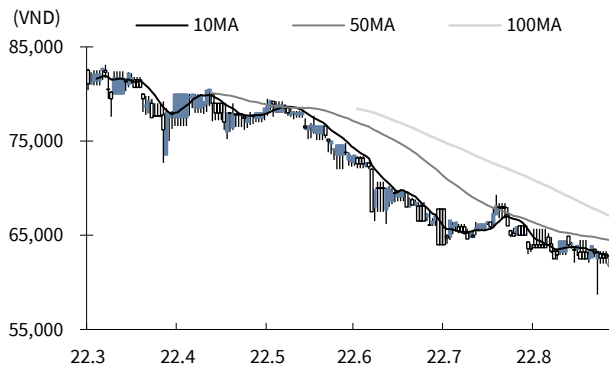
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tập đoàn Vingroup - CTCP (VIC)

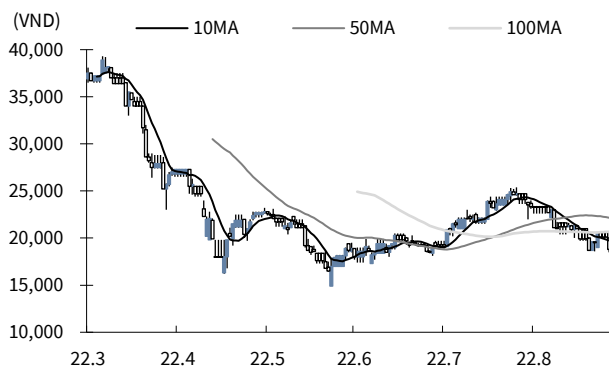


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm 0.96% xuống 62,000 VND/cp

- Ban Quản lý khu kinh tế Hà Tĩnh vừa ký quyết định về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho Dự án nhà máy sản xuất Pin Lithium với tổng mức đầu tư hơn 6,329 tỷ đồng của Tập đoàn Vingroup đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại khu kinh tế Vũng Áng. Dự kiến đến quý IV/2023, nhà máy sẽ hoàn thành phần xây dựng, quý I/2024 hoàn thành việc lắp đặt máy móc, dây chuyền sản xuất và bắt đầu vận hành hoạt động và quý III/2024 bước vào giai đoạn sản xuất đại trà.

## CTCP Chứng khoán Bảo Việt (BVS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BVS giảm 6.47% xuống 18,800 VND/cp

- Chứng khoán Bảo Việt công bố ngày 5/10 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức bằng tiền mặt năm 2021. Tỷ lệ thực hiện 8%, tương đương 800 đồng/cp. Với 72.2 triệu cổ phiếu đang lưu hành, đơn vị dự chi 57.8 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông vào ngày 20/10.

# Triển vọng TTCK 4Q2022

## Kỳ vọng đáy trung hạn

Chúng tôi điều chỉnh vùng điểm hợp lý của chỉ số VN-Index xuống mức 1,330 điểm thời điểm cuối năm 2022 trên giả định dự phóng tăng trưởng EPS bình quân các doanh nghiệp niêm yết trên sàn HSX đạt mức 18.3% trong năm 2022; đồng thời giảm mức P/E mục tiêu xuống 13 lần để phản ánh các rủi ro đến từ yếu tố ngoại biên, kết hợp với diễn biến tăng của mặt bằng lãi suất trong nước.

Trong 4Q2022, chúng tôi thận trọng với diễn biến thị trường trong ngắn hạn khi nhiều yếu tố rủi ro vẫn đang hiện hữu. Thị trường nhiều khả năng sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh sâu và có thể chớm xuyên thủng vùng đáy tháng 6. Dù vậy, chúng tôi kỳ vọng thị trường sau đó sẽ tìm lại được điểm cân bằng và hồi phục trở lại khi các rủi ro liên quan đến địa chính trị, lạm phát, suy thoái kinh tế Mỹ hay những bất ổn tại EU đã được phản ánh đáng kể và phần nào hạ nhiệt, cùng với một số yếu tố hỗ trợ trong nước đến từ khả năng đề kháng tốt của nền kinh tế trước những áp lực gia tăng ngoại biên cùng việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân gói hỗ trợ kinh tế và đẩy mạnh đầu tư công.

Với việc thận trọng trước những bất ổn vĩ mô, có thể gây ra áp lực tới triển vọng KQKD của nhiều doanh nghiệp, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm ngành, do đó, đây là giai đoạn nhà đầu tư cần “đãi cát tìm vàng”, tập trung vào các doanh nghiệp có câu chuyện riêng để lựa chọn cho danh mục trong nửa cuối năm 2022.

Từ góc độ Top-down, một số chủ đề đầu tư nổi bật trong 4Q2022 bao gồm: đẩy mạnh đầu tư công, đứt gãy nguồn cung do xung đột và thiên tai và nỗ lực giải cứu ngành bất động sản Trung Quốc. Theo đó, nhóm ngành được hưởng lợi như: **nhóm vật liệu xây dựng, hạ tầng, xây lắp điện, bất động sản khu công nghiệp, lương thực, chăn nuôi và hóa chất** (xem thêm phần III).

Từ góc độ triển vọng ngành, trong 4Q2022, bộ phận phân tích doanh nghiệp của chúng tôi đánh giá tích cực đối với triển vọng các ngành khu công nghiệp, điện, dầu khí, công nghệ thông tin, cảng biển, bán lẻ, thủy sản (chi tiết về triển vọng ngành xem thêm ở phần VI của báo cáo).

Dựa trên các quan điểm trên, danh mục mẫu cho 4Q2022 được chúng tôi lựa chọn bao gồm: FPT, GMD, MWG, PNJ, QTP, IDC, PVT, DHA, GAS, DXG.

KBSV RESEARCH

**KB Securities**  
VIETNAM

Trần Đức Anh

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường  
anhtd@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công

Chuyên viên chiến lược đầu tư  
conghth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh

Chuyên viên chiến lược đầu tư  
anhhttp@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyền

Chuyên viên vĩ mô  
quyenlh@kbsec.com.vn

23/09/2022

### KBSV Top pick

Mã	Giá mục tiêu	Giá đóng cửa 23.09	Lợi nhuận kỳ vọng
FPT	112,500	82,400	37%
IDC	77,400	52,900	46%
MWG	84,912	68,400	24%
PNJ	140,000	113,900	23%
QTP	23,000	16,300	41%
DHA	55,800	38,000	47%
PVT	29,200	21,300	37%
GMD	71,500	48,700	47%
GAS	151,100	112,500	34%
DXG	52,600	24,800	112%

"Chi tiết về luận điểm đầu tư từng mã xem thêm ở phần V của báo cáo"

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



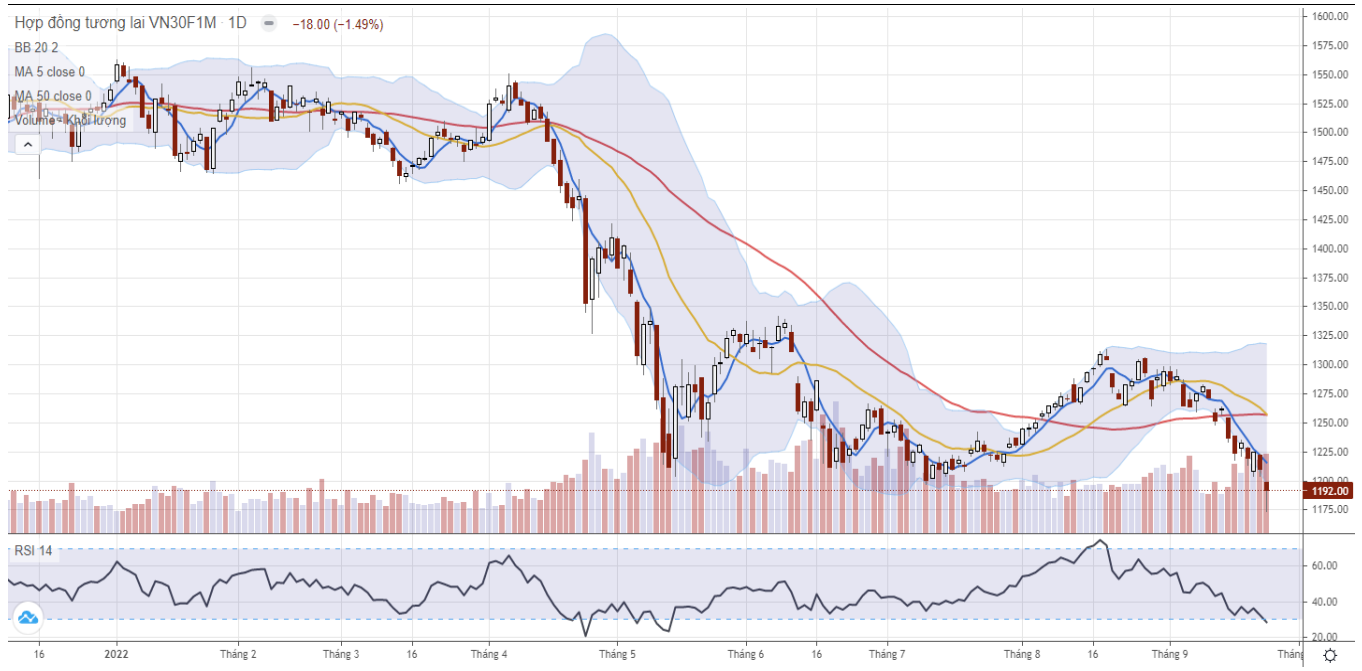
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex tiếp tục lao dốc trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Lực bán áp đảo trong phiên khiến cho chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng quanh 1195 (+5), hiện đã đảo vai trò trở thành vùng kháng cự gần của chỉ số. Trong kịch bản tiêu cực, VNIndex sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong những phiên kế tiếp nhằm kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ gần quanh 116x và sâu hơn là 1143-1148, tương đương với vùng đáy tháng 7.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn tại các nhịp hồi sớm và không chế tỷ trọng ở mức an toàn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1210 - 1215

Kháng cự gần: 1201 - 1205

Hỗ trợ gần: 1177 - 1182

Hỗ trợ xa: 1161 - 1165

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 tiếp tục lao dốc trước khi hồi phục và lấy lại một phần điểm số đã mất về cuối phiên.
- Lực bán áp đảo trong phiên khiến cho chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng quanh 1200, hiện đã đảo vai trò trở thành vùng kháng cự gần của chỉ số. Trong kịch bản tiêu cực, F1 sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong những phiên kế tiếp nhằm kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ gần quanh 117x và sâu hơn là 1146-1150 nhằm thiết lập một mặt bằng giá vững chãi hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở một phần vị thế SHORT tại các vùng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

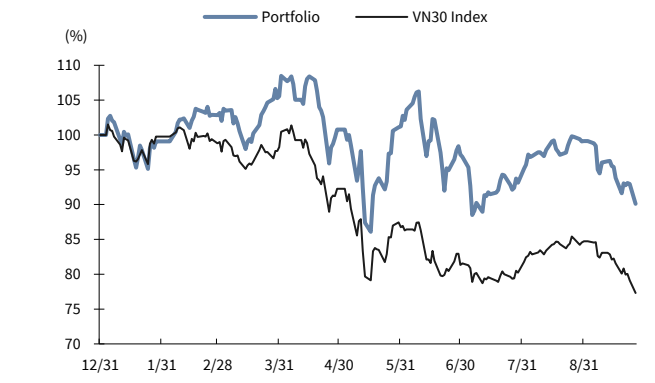
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.32%	-3.03%
Tăng lũy kế (YTD)	-22.69%	-9.87%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	68,000	-2.0%	76.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	21,900	-3.9%	-23.2%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	111,100	-2.5%	44.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	170,800	-2.4%	-11.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	78,500	-6.1%	165.5%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	81,500	-1.1%	235.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,500	-6.0%	24.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,600	1.0%	54.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,400	-1.3%	101.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	27,850	-5.9%	171.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.3%	20.9%	68.0
STB	-4.4%	21.7%	67.4
BCM	-1.0%	2.8%	20.7
E1VFN30	-2.6%	92.1%	16.4
VCB	-1.2%	23.5%	10.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NLG	-6.9%	41.8%	-168.3
KDH	-5.4%	31.0%	-150.6
SSI	-5.6%	34.8%	-56.1
VNM	-3.5%	55.0%	-168.5
CTG	-6.0%	26.9%	-63.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-2.7%	0.2%	0.5
CLH	-2.3%	2.2%	0.3
SD5	0.0%	5.2%	0.3
NDN	-3.0%	1.9%	0.3
HAD	3.3%	8.7%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	-5.8%	8.8%	-1.6
PVI	-2.2%	58.6%	-0.1
KMT	0.0%	0.1%	-0.1
ART	-7.1%	0.6%	-0.0
HUT	-7.3%	0.7%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	12.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bảo hiểm	8.6%	BVH, MIG, BIC, BMI
Phụ tùng oto	8.4%	DRC, CSM, PAC, TNC
Tiện ích khí	5.2%	GAS, PGD, PMG
Ngành chưa phân loại	2.3%	CKG, PSH, NHH, ABS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-4.9%	PLX, PGC, CNG, GSP
Tập đoàn công nghiệp	-4.7%	REE, BCG, PET, EVG
Ngân hàng	-4.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-4.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Sản xuất điện	-4.0%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	10.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Ngành chưa phân loại	9.5%	CKG, PSH, NHH, ABS
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Tiện ích điện	3.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Bảo hiểm	1.8%	BVH, MIG, BIC, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-19.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-17.7%	PLX, PGC, CNG, GSP
Sản phẩm xây dựng	-14.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thiết bị điện	-12.8%	GEX, SAM, CAV, RAL
Xây dựng và kỹ thuật	-12.0%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	63,896 (2.7)	22.5	26.7	38.9	14.7	7.6	5.4	2.2	2.1	-1.0	-1.4	-4.6	-34.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	117,770 (5.0)	26.6	7.9	6.5	35.9	22.2	22.1	1.6	1.3	-2.3	-4.3	-7.3	-31.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	41,750 (1.8)	17.8	24.8	17.4	-7.6	7.7	10.1	1.9	1.7	-6.5	-8.4	-7.6	-11.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	260,421 (11.0)	31.3	28.5	24.7	6.7	14.5	16.1	4.2	3.6	0.0	-0.6	1.4	-7.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	58,083 (2.5)	11.6	15.0	13.9	13.7	13.0	12.8	1.8	1.6	-5.4	-	-	-36.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	270,093 (11.5)	13.9	14.6	10.5	-	10.5	12.7	1.0	0.9	-6.9	-4.1	17.5	-34.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	93,180 (4.0)	6.3	13.1	10.9	11.7	21.9	22.7	2.6	2.1	-1.2	-4.8	-9.1	-4.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	51,900 (2.2)	12.7	12.1	9.3	-5.3	16.9	19.0	1.7	1.4	-3.9	-2.3	15.2	-10.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	102,854 (4.4)	0.0	5.3	4.6	14.3	21.0	20.1	1.0	0.8	-2.8	-5.1	15.8	-33.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	71,005 (3.0)	1.4	6.1	4.9	50.3	19.7	22.1	1.0	0.9	-6.0	-7.8	17.4	-30.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	379,640 (16.1)	0.0	6.4	6.3	18.8	20.8	17.3	1.2	1.0	-4.0	-7.7	12.7	-22.9
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	163,098 (6.9)	0.0	5.2	4.5	14.6	24.1	23.3	1.1	0.9	-4.3	-4.3	14.8	-16.5
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	41,875 (1.8)	4.2	5.8	5.0	23.3	22.4	21.5	-	-	-3.5	-4.3	10.8	-24.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	236,303 (10.0)	14.0	9.1	4.0	26.5	12.0	21.2	1.0	0.9	-4.4	-5.1	18.3	-34.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	30,126 (1.3)	0.0	6.4	4.9	37.4	21.6	22.0	1.2	1.0	-0.6	-0.4	12.3	-39.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	28,116 (1.2)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	1.2	0.6	12.5	4.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	90,140 (3.8)	21.0	20.2	16.5	15.8	9.9	11.5	1.9	1.8	-0.9	9.0	1.6	3.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	13,297 (0.6)	14.2	16.0	14.3	9.1	12.8	13.6	1.7	1.6	-0.5	8.3	6.1	-26.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	377,894 (16.0)	55.4	11.7	10.7	-3.2	15.2	13.1	-	-	-5.6	-2.0	21.4	-59.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	213,209 (9.0)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-5.8	-5.5	17.9	-45.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	174,263 (7.4)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-2.6	3.8	-6.2	-43.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	351,764 (14.9)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	-5.9	-2.2	22.1	-47.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	151,360 (6.4)	42.1	17.6	15.8	4.0	27.1	29.2	4.5	4.3	-3.5	-1.6	-3.8	-14.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,728 (1.1)	36.9	23.8	20.5	7.3	22.3	22.9	4.8	4.3	-1.1	-0.2	-1.6	22.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	65,365 (2.8)	16.5	27.3	19.6	-51.9	14.9	17.9	4.0	3.4	-0.8	-4.3	-4.0	-24.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	45,113 (1.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.6	-1.9	13.0	-50.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,092 (2.8)	11.0	-	29.5	-88.5	7.5	16.4	-	-	-2.4	-4.3	10.5	-14.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	40,847 (1.7)	10.8	16.1	14.3	-57.0	13.7	14.1	2.1	1.9	-2.7	0.9	-8.8	0.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	142,767 (6.1)	38.4	7.0	37.5	65.7	14.3	2.4	0.9	0.9	-6.5	-1.7	16.5	-56.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	0.0	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	203,750 (8.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.9	-5.1	21.8	-51.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	42,650 (1.8)	3.6	60.9	12.1	-52.4	1.0	4.8	-	-	-3.2	-1.3	-4.6	-38.8
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	74,659 (3.2)	0.0	11.5	11.0	-4.5	16.0	14.8	1.6	1.4	-6.1	-4.6	-6.0	30.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	49,444 (2.1)	46.1	15.4	16.7	-17.5	24.7	20.5	3.7	3.3	1.0	5.2	-1.4	18.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	68,025 (2.9)	31.4	11.9	11.6	-10.5	18.2	16.8	1.9	1.8	-2.1	1.0	19.1	16.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,131 (0.1)	34.1	20.0	9.1	-5.1	4.7	9.9	1.1	1.1	-1.7	-1.7	-4.8	-29.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	471,906 (20.0)	18.0	5.4	4.6	21.9	22.9	22.7	1.1	1.0	-1.3	-1.1	-4.7	-37.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	203,697 (8.6)	36.5	3.9	6.2	-0.5	40.0	22.4	1.3	1.2	-6.1	-4.1	-9.7	-7.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	264,250 (11.2)	46.5	6.1	8.7	-4.5	38.3	22.2	-	-	-3.2	1.9	-1.0	-4.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	236,551 (10.0)	38.9	8.1	6.4	67.9	10.2	11.8	0.8	0.7	-6.2	-5.0	-	-51.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	29,075 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.3	-2.4	15.2	-48.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	49,715 (2.1)	4.6	24.0	13.0	-51.0	5.8	10.8	1.9	1.8	-3.0	-5.0	-	-33.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	265,995 (11.3)	39.9	155.4	20.1	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.8	-7.0	-3.5	2.7	-8.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	63,806 (2.7)	35.9	7.9	7.5	2.2	15.0	15.0	1.2	1.0	-6.8	-4.3	-8.5	-17.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	292,210 (12.4)	0.0	17.6	12.7	14.4	24.9	29.1	3.2	2.6	-2.0	-3.5	-5.8	0.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	64,252 (2.7)	0.0	15.2	13.2	2.4	24.4	21.5	3.1	2.6	-2.5	-0.8	-5.7	15.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,656 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.7	1.3	-	-22.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	171,620 (7.3)	30.3	16.9	14.0	-75.2	27.3	25.6	4.1	3.2	-6.9	-5.4	-	19.0
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	60,005 (2.5)	34.6	9.0	8.0	41.2	32.2	23.6	2.2	1.8	-3.5	-1.6	-	-15.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	770 (0.0)	45.4	13.1	12.0	10.7	22.2	21.7	-	-	-1.8	-3.1	-6.3	-22.7
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	104,050 (4.4)	0.0	16.2	13.5	15.5	28.9	29.0	4.2	3.4	-1.1	-1.9	-6.5	5.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.